

Số: 1212/2023/QĐ-PQTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:*

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Hà Thanh Thủy

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Thu Hiền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Phùng Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 62/2023/KDTM-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 2343/2023/QĐ-MPH ngày 31/5/2023.

**Người yêu cầu:** Công ty Cổ phần Tập đoàn A

Địa chỉ: 14-16-18 Đường C, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà C (Giấy ủy quyền ngày 29/03/2023)

Địa chỉ liên lạc: 312/72 đường Q, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm M

Địa chỉ: 297/5 đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà L – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông T1.

Địa chỉ: 40/8A đường Đ, Phường Y, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 31/UQ/2023 ngày 12/6/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm M:

Luật sư K.A – Luật sư thuộc Đoàn luật sư TPHCM – Văn phòng Luật sư K.A.

Địa chỉ: 145/18 đường Z, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư mua bán nợ S

Địa chỉ: 39B đường T, Phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà O.

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

### **NHẬN THẤY:**

*Theo đơn yêu cầu ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn A sau đây gọi tắt là công ty A trình bày như sau:*

Ngày 14/10/2021, Công ty Cổ phần Hóa dược phẩm M (sau đây gọi tắt là công ty M) và công ty MHK (sau đây gọi tắt là MHK) ký hợp đồng số 01-10/CÔNG TY M-MHK (sau đây gọi tắt là hợp đồng 01-10) về việc xuất khẩu thuốc.

Ngày 26/10/2021, công ty M, công ty A và công ty O Ấn Độ (sau đây gọi tắt là công ty O) ký hợp đồng 3 bên số 01/2021/CÔNG TY M-CÔNG TY O (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 01 ba bên). Hợp đồng thỏa thuận CÔNG TY M là bên mua 5.000kg nguyên liệu sản xuất thuốc Molnupiravir, công ty O là bên bán, công ty A là bên thứ ba thanh toán.

Tuy nhiên, hợp đồng không thực hiện được, ngân hàng từ chối Công ty A thanh toán do Công ty A không phải là chủ sở hữu đối với số nguyên liệu trên. Vì vậy, công ty M và công ty O ký hợp đồng 01/2021/CÔNG TY M – CÔNG TY O cùng ngày 26/10/2021 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 01 hai bên). Giữa công ty M và công ty O còn ký phụ lục hợp đồng ngày 26/10/2021 về việc giao 1.000kg nguyên liệu sản xuất thuốc. Công ty A không còn là bên thứ ba thanh toán trong hợp đồng.

Sau đó Công ty A và công ty M đã thảo luận về việc hợp tác sản xuất và xuất khẩu thuốc số 02/2021/HTKD (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 02). Ngày 15/11/2021 và ngày 24/11/2021, Công ty A thực hiện 3 lệnh chuyển tiền vào tài khoản của công ty M với tổng giá trị là 17.765.000.000 đồng. Nội dung của 3 lệnh chuyển tiền là “AAMT GROUP CHUYEN TIEN THANH TOAN CHO CONG TY O THEO HOP DONG 02/2021/HTKD”. Tuy nhiên do hai bên không thống nhất được nội dung hợp đồng nên đã không tiến hành ký hợp đồng 02. B.T bộ số tiền Công ty A chuyển cho công ty M là để thực hiện hợp đồng 01. Dù hợp đồng không được thực hiện nhưng công ty M không chuyển trả tiền cho Công ty A. Công nợ này đã được công ty M xác nhận tại thư xác nhận công nợ ngày 05/4/2022.

Ngày 07/11/2022, Công ty A ký hợp đồng bán nợ số HD0368 cho Công ty Cổ phần Đầu tư mua bán nợ S (sau đây gọi tắt là công ty S). Hợp đồng thỏa thuận chuyển nợ của công ty M từ Công ty A qua Công ty S.

Ngày 01/12/2022, công ty M khởi kiện Công ty A và Công ty S tại Trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là VIAC) yêu cầu:

1. Yêu cầu hợp đồng mua bán nợ số HD0368 ngày 07/11/2022 vô hiệu.
2. Ghi nhận ý kiến của công ty M về việc Công ty A và công ty M tiếp tục tìm đối tác nước ngoài để sản xuất thuốc Molnupiravir caspules 200mg xuất khẩu.

3. Cho phép công ty M được B.T quyền xử lý số lượng nguyên vật liệu chứa dược chất sản xuất thuốc Molnupiravir xuất khẩu theo hợp đồng số 01 còn tồn kho (khi hết hạn sử dụng) theo quy định pháp luật. Thiệt hại xảy ra (nếu có) hai bên tự chịu theo tỷ lệ số tiền đã thanh toán cho người bán (Công ty O).

Ngày 15/2/2023, công ty M có đơn xin sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, bổ sung yêu cầu:

Tuyên xử trong việc thực hiện hợp đồng số 01/2021 ký ngày 26/10/2021 giữa ba bên công ty M, công ty A và công ty O, công ty M không nợ Công ty A khoản tiền 17.765.000.000 đồng.

Ngày 22/3/2023, Hội đồng trọng tài ban hành phán quyết như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty M, xác định công ty M không nợ Công ty A khoản tiền 17.765.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán nợ số HD0368 ngày 07/11/2022 vô hiệu.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của công ty M về việc công ty M và Công ty A tiếp tục tìm đối tác nước ngoài để sản xuất thuốc Molnupiravir caspules 200mg xuất khẩu.

4. Không chấp nhận công ty M được B.T quyền xử lý số lượng nguyên vật liệu chứa dược chất sản xuất thuốc Molnupiravir xuất khẩu theo hợp đồng số 01 còn tồn kho (khi hết hạn sử dụng) theo quy định pháp luật. Thiệt hại xảy ra (nếu có) hai bên tự chịu theo tỷ lệ số tiền đã thanh toán cho người bán (Công ty O).

5. Công ty A có nghĩa vụ thanh toán cho công ty M phí trọng tài là 381.647.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập phán quyết. Trường hợp chậm thanh toán, Công ty A phải trả thêm lãi cho công ty M số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm.

Công ty A yêu cầu hủy phán quyết của Hội đồng trọng tài vì các lý do sau:

1. Hợp đồng số 01 giữa ba bên đã được hủy. Hợp đồng số 01 giữa hai bên công ty M và Công ty O được thực hiện giữa công ty M và Công ty O, CÔNG TY M thanh toán cho Công ty O trực tiếp từ tài khoản của công ty M.

2. Công ty A chuyển tiền cho công ty M là để thực hiện hợp đồng số 02, không phải thực hiện hợp đồng 01 ba bên. Hợp đồng số 02 không có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Bên cạnh đó nguyên đơn yêu cầu tuyên công ty M không nợ Công ty A khoản tiền 17.765.000.000 đồng không liên quan đến hợp đồng số 01 nên yêu cầu của nguyên đơn cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài.

Vì vậy, Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Hội đồng trọng tài đã bỏ qua nhiều chứng cứ chứng minh giữa các bên không có thỏa thuận trọng tài.

Công ty A đề nghị Tòa án hủy phán quyết trọng tài ngày 22/3/2023 của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ tranh chấp số 141/22HCM.

*Người liên quan Công ty M có ông T1 đại diện ủy quyền trình bày:*

Khoản tiền 17.765.000.000 đồng là khoản tiền công ty A chuyển vào tài khoản MBB của công ty M để trả cho công ty O liên quan đến 1 tấn nguyên liệu về trước theo khoản 2 “*Giao hàng*” của Hợp đồng số 01 giữa ba bên. Tại Điều 8 của hợp đồng 01 quy định thỏa thuận giải quyết tranh chấp bởi VIAC. Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 5 Luật Trọng Tài Thương Mại.

Ngoài ra, thỏa thuận trọng tài không thuộc trường hợp vô hiệu theo quy định tại Điều 18 của Luật TTTM và cũng không thuộc trường hợp không thể thực hiện được theo Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014.

Hợp đồng số 01 ba bên thỏa thuận về việc mua 5.000kg nguyên liệu sản xuất thuốc Molnupiravir xuất khẩu và thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng thì 1.000kg sẽ được giao ngay khi ký hợp đồng. Trong đó thỏa thuận, công ty M là bên mua, Công ty A là bên thanh toán và Công ty O là bên bán.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, ngày 15/11/2021, công ty A thông báo cho công ty M biết do có thay đổi về phương thức thanh toán nên các bên ký thêm một hợp đồng thứ hai và phụ lục hợp đồng không có công ty A, việc thanh toán sẽ được công ty A thanh toán thông qua tài khoản của công ty M. Thỏa thuận này thể hiện qua email lúc 10 giờ 24 phút ngày 15/11/2021, bà Th kế toán trưởng của công ty A (email: [tho.pham@aamtgroup.com](mailto:tho.pham@aamtgroup.com)) gửi email tới bà L.H Phó Tổng giám đốc của công ty M (email: [l.h@congyM.com](mailto:l.h@congyM.com)), đồng thời có gửi kèm cho ông B.T – chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của công ty A (email: [t.tran@aamtgroup.com](mailto:t.tran@aamtgroup.com) và [bt.tran@gmail.com](mailto:bt.tran@gmail.com)), nội dung: “*Dear chị H, do thay đổi phương án thanh toán, Công ty A sẽ chuyển tiền vào tài khoản của Công ty M tại MBB, sau đó MBB sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp của Công ty M là Công ty O. Vì vậy, em kính nhờ chị Hương chỉnh sửa lại giúp em Hợp đồng 5.000kg và phụ lục Hợp đồng 1.000kg. Trong đó Không thể hiện tên Công ty A là bên thứ 3 thanh toán. Chị Hương giúp em ký lại và scan bản màu để em gửi lại cho công ty O ký*”. Đính kèm email là bản scan Hợp đồng 01 ba bên đã ký và dự thảo hợp đồng gạch tên của Công ty A.

Nhưng ngoài bản Hợp đồng số 01 ký giữa công ty M và Công ty O không có tên công ty A thì giữa công ty M và công ty A vẫn ký riêng hợp đồng số 01 nội dung không đổi nhưng không có chữ ký của công ty O (hợp đồng có đóng dấu của 2 công ty).

Với sự thỏa thuận thay đổi phương thức thanh toán nêu trên, ngày 15/11/2021 (cùng ngày email), công ty A đã chuyển 8.875.000.000 đồng vào tài khoản của công ty M với nội dung “*AAMT GROUP CHUYEN TIEN THANH TOAN CHO CÔNG TY O THEO HOP DONG 02/2021/HTKD*”. Nội dung này rõ ràng thể hiện mục đích của việc chuyển tiền là thanh toán cho công ty O. Đồng thời ngày 24/11/2021 và ngày 25/11/2021, công ty A thực hiện chuyển số tiền lần lượt là 8.875.000.000 đồng và 15.000.000 đồng cùng nội dung thanh toán nêu trên. Số tiền này tương ứng với 780.000USD/1.000kg cùng chi phí và dịch vụ chuyển đổi VND sang Đô la Mỹ và phí dịch vụ điện chuyển tiền quốc tế, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 về giao hàng của Hợp đồng: Thanh toán 50% giá trị của đơn hàng, 50% còn lại sẽ được thanh toán sau khi nhận được Vận đơn đường hàng không.

Mặt khác, tại email ngày 16/11/2021 lúc 10 giờ 36 phút tối, ông B.T (email: [t.tran@aamtgruop.com](mailto:t.tran@aamtgruop.com)) đã gửi email cho bà L.H (email: [l.h@công ty M.com](mailto:l.h@công ty M.com)) có tiêu đề “*Fwd: Hồ sơ bổ sung bộ chứng từ Công ty M thanh toán cho Công ty O*”, nội dung: *L.H ơi, Em vui lòng in ra, đóng dấu sao y của công ty rồi gửi qua MBB giúp anh nhé. Hôm qua anh cho chuyển tiền trả nó, còn thiếu bản sao y này, nó mới nhận bản scan của mình.*”

Tại trang 16 Vi bằng số 1579/2022/VB-TPL ngày 25/11/2022, nội dung trao đổi tin nhắn và đối thoại ông B.T khẳng định: “*Cái việc thứ nhất đó là cái hôm trước anh chuyển khoản, chuyển trả cho nó năm trăm ký đầu á, đến cuối cùng khó khăn đủ mọi thứ chuyện hết, ngay cả cái ngân hàng ruột của mình là MBB nó cũng vậy, chứ còn đưa đẩy chuyển qua từ ở cái tài khoản UOB càng không được nữa bây giờ là bên Công ty M phải trả cho Công ty O thẳng luôn, thành ra là bên Công ty A không trả được cái đợt đó, tiền của Công ty A anh chuyển qua rồi em trả giùm, tí nữa em ký lại cái hợp đồng với cái phụ lục hợp đồng giùm anh nghe*”.

Công ty A không có chứng cứ nào chứng minh liên quan tới hợp đồng số 02 mà Công ty A đề cập trong đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Hợp đồng chưa được ký kết thì không thể có số hợp đồng và có giá để chuyển tiền.

Việc xác nhận số dư nợ mà Công ty A trình bày chỉ là để phục vụ mục đích kiểm toán thể hiện tại thư của Kế toán trưởng công ty M ngày 05/4/2021 và công văn ngày 02/12/2022 của công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học M.A.

Như vậy, số tiền 17.765.000.000 đồng có liên quan đến hợp đồng số 01/2021/công ty M – công ty O ký ngày 26/10/2021 giữa ba bên và đã được thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài.

Đề nghị bác đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của công ty A.

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày bổ sung: Ngày 20/02/2023, công ty M yêu cầu bổ sung tại trung tâm Trọng tài nhưng mặc dù phía công ty A chưa kịp trình bày ý kiến về yêu cầu bổ sung này của công ty M nhưng phía trọng tài vẫn mở phiên họp và ban hành phán quyết vào ngày 22/3/2023. Khoản tiền mà công ty A chuyển cho công ty M đã được công ty M xác nhận nợ tại Thư xác nhận nợ của chính kế toán công ty M cung cấp.

Người liên quan trình bày ý kiến: Thực chất công ty M không sửa đổi bổ sung yêu cầu mà chỉ là chỉnh sửa câu chữ còn nội dung vẫn giữ nguyên. Thư xác nhận nợ chỉ để phục vụ cho hoạt động quyết toán còn nội dung thực chất các bên giao dịch như công ty M đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu của người yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét đơn bác yêu cầu.

### **XÉT THẤY:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu*: Ngày 22/3/2023 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 141/22HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2023 Công ty Cổ phần Tập đoàn A nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Hội đồng phiên họp xét ý kiến của người yêu cầu là công ty A đề nghị hủy phán quyết trọng tài vì cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài như sau:

Phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp đối với Hợp đồng số 01/2021/công ty M- công ty O ngày 26/10/2021 nhưng phía công ty A cho rằng 3 lệnh chuyển tiền của Công ty A vào tài khoản của CÔNG TY M đều có nội dung “AAMT group chuyen tien thanh toan cho công ty O theo hop dong 02/2021/HTKD”. Do đó, Công ty A cho rằng khoản tiền của Công ty A chuyển cho công ty M là của hợp đồng số 02, không phải hợp đồng số 01. Tuy nhiên, công ty A không cung cấp được bản hợp đồng số 02/2021/HTKD nào hay tài liệu chứng cứ nào chứng minh các bên có thỏa thuận hoặc dự định ký kết hợp đồng số 02 như lời trình bày của công ty A. Phía công ty M cho rằng hợp đồng chưa được ký kết thì không thể biết giá để thực hiện việc chuyển tiền, ý kiến này của công ty M là có cơ sở để xem xét. Giữa hai bên chỉ tồn tại các giao dịch liên quan đến Hợp đồng số 01/công ty M- công ty O ngày 26/10/2021. Phía công ty M cho rằng các bên bao gồm Công ty A, công ty M và công ty O ký hợp đồng thỏa thuận 3 bên số 01/2021/công ty M- công ty O ngày 26/10/2021 trong đó công ty M là bên mua, công ty O là bên bán và Công ty A là bên thứ ba thanh toán. Sau đó các bên thay đổi ký lại hợp đồng cùng hình thức và nội dung chỉ khác là không đề Công ty A là bên thứ ba để hợp lệ hồ sơ chứng từ thanh toán cho ngân hàng. Đây cũng là đề nghị của Công ty A. Điều này phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà phía công ty M cung cấp bao gồm email lúc 10 giờ 24 phút ngày 15/11/2021 do kế toán của công ty A gửi cho đại diện pháp luật của công ty M, email ngày 16/11/2021 lúc 10 giờ 36 phút tối của ông B.T đại diện pháp luật công ty A gửi cho bà Hương đại diện pháp luật của công ty M, đoạn trao đổi giữa ông B.T và bà Hương tại trang 16 Vi bằng 1579/2022/VB-TPL ngày 25/11/2022. Các tài liệu chứng cứ này đều được lập Vi bằng. Thực tế diễn biến của việc chuyển tiền cũng chứng minh cho nội dung các bên thực hiện giao dịch dựa trên hợp đồng số 01 ba bên nhưng việc điều chỉnh hợp đồng 01 hai bên chỉ là hợp thức hóa cho hồ sơ thanh toán. Cụ thể các ngày 15/11/2021, 24/11/2021 và 25/11/2021 công ty A đã có 3 lệnh chuyển tiền cho công ty M với số tiền lần lượt là 8.875.000.000 đồng, 8.875.000.000 và 15.000.000 đồng cùng ghi

nội dung “AAMT GROUP CHUYEN TIEN THANH TOAN CHO CONG TY O THEO HOP DONG 02/2021/HTKD”. Ngay sau khi nhận được tiền do Công ty A chuyển, phía công ty M đã thực hiện các lệnh chuyển đúng số tiền nhận được cho công ty O. Diễn biến thực tế này hoàn B.T phù hợp với thỏa thuận, trao đổi giữa các bên như đã phân tích ở trên. Việc ghi nhận số hợp đồng là 02 trong lệnh chuyển tiền không thay đổi bản chất của giao dịch giữa các bên là theo hợp đồng số 01.

Vì hợp đồng số 02 không có thật và mặc dù đã tồn tại một bản hợp đồng số 01 hai bên công ty M – công ty O bên cạnh hợp đồng số 01 ba bên nhưng chính Công ty A và công ty M cũng ký với nhau hợp đồng số 01 ba bên nhưng không có công ty O ký. Theo lý giải của công ty M việc ký thêm Hợp đồng số 01 ba bên giữa Công ty A và công ty M là để đảm bảo các bên đều hiểu rõ Hợp đồng số 01 là giao dịch ba bên và phát sinh quyền và nghĩa vụ của cả 3 bên từ hợp đồng số 01 (dù theo phiên bản ký hai bên hay ba bên).

Tại điều khoản thỏa thuận giải quyết tranh chấp của Hợp đồng số 01 (hai bên hay ba bên) đều thỏa thuận lựa chọn Trung tâm trọng tài VIAC có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Vì vậy, ý kiến của Công ty A yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số 141/22 HCM ngày 22/3/2023 do trung tâm trọng tài không có thẩm quyền giải quyết là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với ý kiến của Công ty A về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài do Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Hội đồng phiên họp xem xét như sau:

Trong đơn yêu cầu và trong bản ý kiến của công ty A gửi đến Tòa án chỉ nêu ra yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài do vi phạm nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam mà không nêu được Hội đồng trọng tài đã vi phạm nguyên tắc nào. Tại phiên họp, công ty A cũng chỉ trình bày Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam thể hiện ở các điểm:

Thứ nhất, Hội đồng trọng tài đã không xem xét Công ty A không có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty O đối với 1000kg nguyên liệu theo phụ lục hợp đồng.

Thứ hai, Hội đồng trọng tài căn cứ vào sự trao đổi giữa Công ty A và công ty M để xác định hợp đồng 3 bên chỉ thay đổi phương thức thanh toán là không có cơ sở.

Thứ ba, Hội đồng trọng tài không xem xét tài liệu chứng cứ là công văn ngày 13/01/2022 do công ty M gửi cho Công ty O.

Thứ tư, Công ty A đã khởi kiện công ty M tại Tòa án nhân dân Quận A về công nợ giữa hai bên.



Và thứ năm, mặc dù phía công ty A chưa có ý kiến về yêu cầu khởi kiện bổ sung của công ty M nhưng hội đồng trọng tài vẫn ban hành phán quyết cuối cùng.

Hội đồng phiên họp nhận thấy các căn cứ mà công ty A viện dẫn nêu trên thuộc nội dung giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài. Căn cứ khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng phiên họp không xem xét lại nội dung vụ tranh chấp. Đối với ý kiến của công ty A về việc ngày 20/02/2023 khi công ty M có yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện và trung tâm Trọng tài thông báo cho công ty A nhưng phía công ty A chưa có ý kiến về yêu cầu bổ sung này mà Hội đồng Trọng tài vẫn mở phiên họp và ban hành phán quyết cuối cùng; Hội đồng xét thấy căn cứ Điều 9 Quy tắc tổ tụng Trọng tài của VIAC thì công ty A trong thời hạn 30 ngày phải gửi bản tự bảo vệ cho Trung tâm, nếu cần thiết gia hạn thì phải làm đơn (khoản 2 Điều 9) và tổ tụng trọng tài vẫn thực hiện kể cả khi công ty A không gửi bản tự bảo vệ (khoản 4 Điều 9). Công ty A không có đơn yêu cầu gia hạn và cũng không gửi bản tự bảo vệ đến Hội đồng trọng tài. Vì vậy, Hội đồng Trọng tài tiến hành phiên họp và ban hành phán quyết cuối cùng vào ngày 22/3/2023 là phù hợp với Quy tắc tổ tụng Trọng tài nêu trên.

Từ những nhận định ở trên, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của công ty A là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài của Công ty A. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nêu trên nên chấp nhận.

Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, người yêu cầu không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Tập đoàn A về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 141/22 HCM ngày 22/3/2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh bởi Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn A không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 19 tháng 7 năm 2023. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

### **HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp**

**Đỗ Quốc Đạt**

**Hà Thanh Thủy**

**Phùng Thị Như Mai**

